

Số: 05 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

UBND tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, gồm những nội dung sau:

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong thời gian qua, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020.

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi. Trong đó, quy định các chính sách ưu đãi của tỉnh chung cho các dự án đầu tư, dự án khuyến khích xã hội hóa và hỗ trợ đầu tư cho dự án đầu tư vào nông nghiệp,

nông thôn của tỉnh gồm: (1) Hỗ trợ đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; (2) Hỗ trợ đối với cơ sở chăn nuôi gia súc; (3) Hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất rau an toàn; (4) Hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất cây dược liệu.

Thực hiện Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, đến nay, số doanh nghiệp đã được UBND tỉnh quyết định hỗ trợ là 03 doanh nghiệp, với tổng số tiền khoảng 15,1 tỷ đồng; thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh thì đến nay số doanh nghiệp đang đề nghị được hỗ trợ là 03 doanh nghiệp, với tổng mức đề nghị hỗ trợ khoảng 5,69 tỷ đồng. Chủ yếu là hỗ trợ đối với doanh nghiệp chăn nuôi tại vùng nông thôn.

Hiện nay, cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ngãi đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tỷ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp vào GRDP vẫn giữ vai trò quan trọng đối với an sinh xã hội và duy trì tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, hiệu quả và vai trò của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đến nay vẫn chưa phát huy đúng với tiềm năng phát triển như: Quy mô nhỏ, thiếu tập trung, sức cạnh tranh còn thấp, chưa tiếp cận được nguồn vốn và công nghệ hiện đại, việc gắn kết giữa sản xuất và cung ứng sản phẩm theo chuỗi giá trị còn rời rạc, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này chiếm tỷ lệ thấp và thu nhập của người nông dân còn bấp bênh.

Xuất phát từ vai trò, vị trí của khu vực nông nghiệp, nông thôn trong nền kinh tế của tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi đang tập trung thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch công nghệ cao - một trong ba lĩnh vực trở thành mũi nhọn kinh tế cho địa phương, nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch, chăn nuôi, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản cũng như việc đảm bảo an sinh xã hội, UBND tỉnh đề xuất một số chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để thu hút các nhà đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương. Đây cũng là nội dung quan trọng, góp phần hoàn thành mục tiêu thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi lao động nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết BCH Trung ương lần thứ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai

đoạn 2008-2010, tầm nhìn 2020 (Chương trình số 43-CTr/TU ngày 14/10/2013), cụ thể là tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhằm tập trung khuyến khích về số lượng và nâng cao chất lượng, năng suất lao động, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Do vậy, cần tiếp tục xây dựng chính sách của tỉnh thực hiện khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp để phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh đúng với tiềm năng, thế mạnh và khai thác các nguồn lực sẵn có của mỗi vùng, mỗi địa phương trong tỉnh.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gia tăng mạnh mẽ về số lượng, thoát khỏi những yếu kém hiện nay, phát triển nhanh, ổn định và bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển của tỉnh, tạo điều kiện và động lực để cộng đồng doanh nghiệp thực hiện đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đáp ứng điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ. Đồng thời, là động lực khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp theo quy định hiện hành và cụ thể hóa các quy định mới, các quy định có tính đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Mặt khác, chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Thu hút, khuyến khích được nhiều doanh nghiệp với quy mô lớn của tỉnh tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo phát triển nông nghiệp đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững, giải quyết nhiều việc làm cho lao động của tỉnh, đặc biệt lao động khu vực nông thôn, phát huy giá trị quỹ đất và đóng góp vào nguồn thu ngân sách của địa phương.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Xác định vấn đề cụ thể và thực trạng

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi rất quan tâm đến công tác thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, việc hỗ trợ các nhà đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND

tính về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư thì chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi còn thấp, chưa tạo động lực và hấp dẫn để ngày càng khuyến khích mạnh mẽ Doanh nghiệp quyết tâm đầu tư một cách tập trung, gắn với công nghệ tiên tiến, hiện đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Mặt khác, các nội dung về chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 không còn phù hợp với các chính sách được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57). Cụ thể:

a) Nghị định số 57 ban hành một số chính sách hỗ trợ mới so với Nghị định số 210/2013/NĐ-CP:

- (1) Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng (Điều 8);
- (2) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao (Điều 9);
- (3) Hỗ trợ đầu tư cơ sở: Chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; (Điều 11);
- (4) Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn (Điều 13);
- (5) Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt tại nông thôn; thu gom xử lý chất thải làng nghề, nông thôn (Điều 13);
- (6) Hỗ trợ xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động (Điều 13);
- (7) Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản (Điều 13).

b) Nghị định số 57 bãi bỏ một số chính sách hỗ trợ so với Nghị định số 210/2013/NĐ-CP:

- (1) Bãi bỏ chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc đối với lợn thịt, trâu, bò, dê, cừu thịt.
- (2) Bãi bỏ quy định chính sách hỗ trợ đầu tư trồng cây dược liệu. Chính sách hỗ trợ đầu tư trồng cây dược liệu được quy định riêng tại Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.

c) Một số chính sách hỗ trợ của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP được quy định tại Nghị định số 57:

- (1) Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt.
- (2) Hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc,

gia cầm.

(3) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào dự án.

Mục tiêu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù quy định của tỉnh lần này để phù hợp theo các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được quy định tại Nghị định số 57, ngoài ra, vẫn kế thừa một số chính sách theo Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐND phù hợp với điều kiện thực tiễn và ưu thế của địa phương mà Nghị định số 57 đã bãi bỏ (*Hỗ trợ trồng cây dược liệu; hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản và giết mổ gia súc, gia cầm*) để doanh nghiệp có cơ hội hưởng lợi tốt nhất khi tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Vì vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để thực hiện Nghị định số 57 và thay thế một số nội dung về hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND có liên quan là cần thiết, để có sự thống nhất, phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Các chính sách thực hiện hỗ trợ

a) Về tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án đã thi công hoàn thành và đưa vào vận hành sản xuất như sau:

a1) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

- Mức lãi suất vay thương mại tối đa dùng để tính chênh lệch lãi suất so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư là lãi suất cho vay thương mại thấp nhất cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, có hoạt động cho vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trường hợp doanh nghiệp vay ngân hàng thương mại có lãi suất thấp hơn mức lãi suất nêu trên thì được sử dụng mức lãi suất thực tế của doanh nghiệp để tính chênh lệch lãi suất hỗ trợ.

- Mức lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư làm căn cứ để tính chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư cho vay áp dụng cho cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

a2) Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

- Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng

hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

a3) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng chi phí đầu tư của dự án.

a4) Phương thức hỗ trợ: Ngân sách cấp hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp hàng năm từ sau khi dự án đầu tư hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác, khi doanh nghiệp có đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định.

a5) Các trường hợp không được hỗ trợ lãi suất:

- Dự án không thực hiện hoàn thành; lãi suất phát sinh trong thời gian dự án chậm tiến độ so với thời hạn quy định trong quyết định chủ trương đầu tư;

- Thời gian dự án vận hành khai thác đạt dưới 70% quy mô công suất của dự án.

- Các khoản lãi vay quá hạn, lãi vay của các khoản vốn vay không đầu tư cho dự án.

b) Hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Hỗ trợ đầu tư đối với dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt như sau:

b1) Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, thiết bị, hệ thống tưới và xử lý môi trường.

b2) Điều kiện hỗ trợ:

- Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ 03 ha trở lên;

- Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ phải đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ.

c) Hỗ trợ đầu tư trồng rau, củ, quả, nấm an toàn

c1) Mức hỗ trợ: 60% chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, thiết bị, nhà xưởng, hệ thống tưới và xử lý môi trường nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án.

c2) Điều kiện hỗ trợ:

- Diện tích trồng rau, củ, quả an toàn từ 03 ha trở lên hoặc từ 2.000 m² nhà lồng (nhà kính, nhà lưới, nhà màng) trở lên hoặc từ 1.000 m² nhà trồng nấm an toàn trở lên (kể cả diện tích liên kết sản xuất với các hộ dân).

- Dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí dự án nông nghiệp sạch quy định tại Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ.

III. Lấy ý kiến

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động đã được cơ quan soạn thảo tiến hành lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố và một số doanh nghiệp đã và đang thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông

thôn trên địa bàn tỉnh; đồng thời, nội dung về báo cáo đánh giá tác động đã được cơ quan soạn thảo đăng trên cổng thông tin điện tử theo đúng quy định về thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình lấy ý kiến.

Bên cạnh đó, Hội đồng tư vấn thẩm định về một số chính sách đặc thù do Giám đốc Sở Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng đã tổ chức thẩm định và cơ quan soạn thảo nghiêm túc tiếp thu, giải trình cụ thể các nội dung của chính sách.

Qua tổng hợp ý kiến phản hồi từ các cơ quan, đơn vị và ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, nội dung thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 135/BC-STP ngày 23/8/2019 (lần 1), Báo cáo thẩm định số 218/BC-STP ngày 05/12/2019 (lần 2) và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6172/UBND-NNTN ngày 08/11/2019; cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện về nội dung quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định.

IV. Giám sát và đánh giá

Trên cơ sở chấp thuận của HĐND tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết và thông qua Nghị quyết về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh dự kiến vào kỳ họp thường kỳ giữa năm 2020 thì UBND tỉnh là cơ quan tổ chức thực hiện Nghị quyết của chính sách đặc thù và Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết của chính sách đặc thù này.

Hàng năm, thực hiện đánh giá hiệu quả về công tác thu hút nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh, báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm tham mưu, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

Kính báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh29).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng